TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 49/2025/DSST
Ngày: 14-04-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà Bà Tạ Thị Ngân
Các Hội thẩm nhân dân Bà Nguyễn Thị Nga
Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tú - Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2024/DSST ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HPT ngày 20 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng W (*Viết tắt là Q)*

Địa chỉ: Địa chỉ: Số xx, phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Là: Nguyên đơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản S. Địa chỉ: Địa chỉ: Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc Tuấn – Chức vụ: Tổng Giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 2535A ngày 12/10/2022).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản S: Ông Nguyễn Vũ Khánh Chi – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 775 ngày 13/9/2023).

Đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản S: Ông Phan Anh – Nhân viên

Địa chỉ liên hệ: Tầng 7, 60A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. *"ông Phan Anh có mặt"*

Bị đơn: Ông Hoàng Văn S, S năm 1967

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội (ông Svắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, và đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Ngân hàng Q trình bày như sau:***

Ngày 18/02/2020, Ông S có ký với Ngân hàng W (gọi tắt là Ngân hàng Q) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-3241 với hạn mức sử dụng là 120,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2.429.243.368 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.364.794.080 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 06/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: (2.4% x150%)= 3.6%/ tháng.

Tính đến ngày 14/4/2025, Ông S còn nợ Q tổng số tiền là 159.873.376 đồng, trong đó: Nợ gốc chuyển quá hạn: 77.263.420 đồng; Lãi quá hạn: 82.609.956 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Ông S có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng W đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc Ông Sphải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/04/2025 là 159.873.376 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 77.263.420 đồng; Lãi quá hạn: 82.609.956 đồng

- Buộc ông Scó trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát S sau ngày 14/04/2025 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Yêu cầu ông Sphải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn ông Sđã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông S không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không có lời khai của ông S tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay***.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau***:

Toà án nhân dân huyện K đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán đã lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật.

- Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng W đối với ông Hoàng Văn S, buộc ông S phải trả cho Q số tiền tạm tính đến hết ngày 14/4/2025 là: 159.873.376 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 77.263.420 đồng; Lãi quá hạn: 82.609.956 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Scòn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong trong giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng, biểu phí thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

* Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 24 tháng 12 năm 2024, nên về án phí cần áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện ông Sđã đề nghị cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 120.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là tranh chấp về dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn X, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội nên TAND huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền về loại việc, thẩm quyền về cấp Tòa án, thẩm quyền về lãnh thổ quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS 2015.

[2]. Xét về thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp hợp đồng tín dụng cụ thể đòi tài sản, buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu theo khoản 2 Điều 155 BLDS 2015 nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý vụ án đã đảm bảo về thời hiệu.

[3]. Về sự vắng mặt của Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, có thông báo đến Tòa án được niêm yết hợp lệ để thông báo cho bị đơn trình bày các vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng Bị đơn không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, Bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét về người tham gia tố tụng: Xét thấy việc bà Nguyễn Thị Năm, S năm 1967; địa chỉ: thôn X, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội là vợ ông Svà anh Hoàng Khánh Linh, địa chỉ: thôn X, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội là con của ông S mặc dù có thông tin trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/02/2020 do ông S tự khai trong giấy đề nghị nhưng bà Năm, anh Linh không ký vào giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng này, không biết gì đến việc ký kết vay tiêu dùng cá nhân giữa Ông S với Ngân hàng Q. Do vậy, bà Nguyễn Thị Năm, anh Hoàng Khánh Linh không liên quan đến việc vay nợ của ông Hoàng Văn S. Do đó TAND huyện K không đưa bà Nguyễn Thị Năm và anh Hoàng Khánh Linh vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

[5]. Về việc ký kết hợp đồng: Ngày 18/02/2020, Ông S có ký với Ngân hàng W (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-3241 với hạn mức sử dụng là 120,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn và Lãi suất quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Ông Sđã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung được xác nhận tại điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng W khi mà ông S đã ký vào giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng. Do vậy, ngày 18/02/2020, Q đã ký xác nhận về việc đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho ông Hoàng Văn S.

[6]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm

của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát S hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[7] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2.429.243.368 đồng. Ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.364.794.080 đồng. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Ông S đã nhận đủ số tiền vay nhưng ông S đã không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng W. Vì vậy, Ngân hàng W khởi kiện yêu cầu buộc ông S phải trả nợ gốc và lãi phát S là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn đã giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký kết của Bị đơn.

Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn nên căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền Nợ gốc chuyển quá hạn: 77.263.420 đồng; Lãi quá hạn: 82.609.956 đồng. Tổng cộng: 159.873.376 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng W, buộc ông Sphải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng W theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/02/2020 với tổng số tiền còn nợ *(tạm tính đến hết ngày 14/4/2025)* là 159.873.376 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 77.263.420 đồng; Lãi quá hạn: 82.609.956 đồng.

[8]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Cụ thể ông Sphải chịu án phí sơ thẩm là: 7.994.000 *(Bảy triệu chín trăm chín mươi tư nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ buộc phải thanh toán.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 46, Điều 117; Điều 119; khoản 2 Điều 155, Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông Tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Thông tư số 27/2017/TT-NHNN ngày 31/12/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-NHNN ngày 28/01/2013.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với ông Svề việc thanh toán nợ gốc lãi của Hợp đồng tín dụng kiêm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/02/2020 ký giữa ngân hàng Q với ông Hoàng Văn S.

2. Buộc ông Sphải trả cho Ngân hàng Q (Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Q) tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/04/2025 là 159.873.376 *(Một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi sáu)* đồng, trong đó: Nợ gốc chuyển quá hạn: 77.263.420 đồng; Lãi quá hạn: 82.609.956 đồng.

3. Buộc ông Sphải tiếp tục trả tiền lãi phát S của số tiền nợ gốc chưa trả sau ngày 14/4/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/02/2020 của ông Svà Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín) cho đến khi ông S thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng W.

4. Về án phí

Ông Sphải chịu 7.994.000 *(Bảy triệu chín trăm chín mươi tư nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Q 3.044.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ngân

hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số ký hiệu BLTU/23, số biên lai: 0065704 ngày 23/12/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Svắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ngân

Nơi nhận: - Các đương sự; - TANDTP. Hà Nội; - VKSNDTP Hà Nội; - VKSND h. K; - Chi cục THADS h. K; - Lưu hồ sơ; - Lưu văn phòng.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **Tạ Thị Ngân**

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ngân